BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - BỘ TƯ PHÁP

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2007/TTLT-BLĐTBXH-BTP

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2007

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
hướng dẫn chi tiết một số vấn đề về nội dung Hợp đồng bảo lãnh và việc thanh lý Hợp đồng bảo lãnh cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 29/2003/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 62/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm,

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tư pháp hướng dẫn chi tiết một số vấn đề về nội dung Hợp đồng bảo lãnh và việc thanh lý Hợp đồng bảo lãnh cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng với doanh nghiệp dịch vụ hoặc với tổ chức sự nghiệp như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Thông tư này hướng dẫn chi tiết một số vấn đề về nội dung Hợp đồng bảo lãnh cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài (sau đây gọi là Hợp đồng bảo lãnh) theo hợp đồng với doanh nghiệp dịch vụ hoặc với tổ chức

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

sự nghiệp (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) và việc thanh lý Hợp đồng bảo lãnh; các nội dung bao gồm:

1. Hình thức của Hợp đồng bảo lãnh.

2. Phạm vi bảo lãnh.

3. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Hợp đồng bảo lãnh.

4. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

5. Xử lý tài sản của bên bảo lãnh.

6. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

7. Chấm dứt Hợp đồng bảo lãnh.

8. Thanh lý Hợp đồng bảo lãnh.

9. Thời hiệu khởi kiện.

II. HỢP ĐỒNG BẢO LÃNH

1. Hình thức của Hợp đồng bảo lãnh

a) Hợp đồng bảo lãnh phải được lập thành văn bản;

b) Các bên có thể thỏa thuận về việc công chứng Hợp đồng bảo lãnh theo quy định của pháp luật về công chứng.

2. Phạm vi bảo lãnh

Phạm vi bảo lãnh là toàn bộ những nghĩa vụ sau đây của người lao động (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), trừ trường hợp bên bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh có thỏa thuận khác:

a) Thanh toán tiền dịch vụ và tiền môi giới (nếu có) mà bên được bảo lãnh chưa thanh toán;

b) Thanh toán chi phí bồi thường thiệt hại do bên được bảo lãnh vi phạm hợp đồng gây ra;

c) Thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng, nếu Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài có thỏa thuận về phạt vi phạm;

d) Thanh toán tiền lãi trong trường hợp chậm thanh toán các khoản tiền thuộc phạm vi bảo lãnh được tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Hợp đồng bảo lãnh

3.1. Quyền của bên bảo lãnh

Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác, bên bảo lãnh có các quyền sau:

a) Được bên nhận bảo lãnh, bên được bảo lãnh và các bên có liên quan thông tin đầy đủ, chính xác về quyền và nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên nhận bảo lãnh;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

b) Yêu cầu bên nhận bảo lãnh thông báo về nơi làm việc, tình hình việc làm, thu nhập, sức khỏe, điều kiện làm việc, điều kiện sinh hoạt của bên được bảo lãnh;

c) Yêu cầu bên nhận bảo lãnh thực hiện đúng các cam kết với bên bảo lãnh và bên được bảo lãnh;

d) Trong trường hợp bên nhận bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ nêu tại các điểm 3.4.a, 3.4.b, 3.4.d và 3.4.g Mục này mà gây thiệt hại cho bên bảo lãnh thì bên bảo lãnh có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại và sử dụng số tiền bồi thường thiệt hại đó để bù trừ nghĩa vụ với bên nhận bảo lãnh, nếu có.

3.2. Nghĩa vụ của bên bảo lãnh

Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác, bên bảo lãnh có các nghĩa vụ sau:

a) Chuyển giao giấy tờ, tài liệu chứng minh khả năng tài chính, năng lực, uy tín của mình và các loại giấy tờ cần thiết khác cho bên nhận bảo lãnh;

b) Vận động, giáo dục bên được bảo lãnh thực hiện đúng các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết với bên nhận bảo lãnh; thực hiện các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa, khắc phục thiệt hại do bên được bảo lãnh vi phạm hợp đồng gây ra;

c) Thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong phạm vi đã cam kết trong trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trong hợp đồng đã ký với bên nhận bảo lãnh;

d) Giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên nhận bảo lãnh hoặc người thứ ba theo thỏa thuận để xử lý trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh.

3.3. Quyền của bên nhận bảo lãnh

Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác, bên nhận bảo lãnh có các quyền sau:

a) Yêu cầu bên bảo lãnh chuyển giao giấy tờ, tài liệu chứng minh khả năng tài chính, năng lực, uy tín của mình và các loại giấy tờ cần thiết khác;

b) Yêu cầu bên bảo lãnh có các biện pháp vận động, giáo dục bên được bảo lãnh thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết với bên nhận bảo lãnh;

c) Yêu cầu bên bảo lãnh đưa tài sản thuộc sở hữu của mình để xử lý trong trường hợp hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh mà bên bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

3.4. Nghĩa vụ của bên nhận bảo lãnh

Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác, bên nhận bảo lãnh có các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện đúng các cam kết với bên bảo lãnh và bên được bảo lãnh;

b) Thông tin chính xác, đầy đủ và kịp thời cho bên bảo lãnh các quyền và nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên nhận bảo lãnh;

c) Thông báo về nơi làm việc, tình hình việc làm, thu nhập, sức khỏe, điều kiện làm việc, điều kiện sinh hoạt của bên được bảo lãnh theo yêu cầu của bên bảo lãnh;

d) Giữ gìn, bảo quản, không làm hư hỏng, mất giấy tờ, tài liệu chứng minh khả năng tài chính, năng lực, uy tín của bên bảo lãnh, nếu các bên có thỏa thuận về việc bên nhận bảo lãnh giữ giấy tờ, tài liệu này. Trong trường hợp bên nhận bảo lãnh làm hư hỏng hoặc mất giấy tờ, tài liệu của bên bảo lãnh thì phải bồi thường thiệt hại;

đ) Thông báo cho bên bảo lãnh về việc thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh khi phát sinh căn cứ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; nếu bên được bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ, nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đó thì bên nhận bảo lãnh phải nêu rõ lý do trong thông báo về việc bên được bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ trước thời hạn;

e) Cung cấp cho bên bảo lãnh giấy tờ, tài liệu chứng minh về thiệt hại do bên được bảo lãnh gây ra;

g) Hoàn trả giấy tờ, tài liệu chứng minh khả năng tài chính, năng lực, uy tín của bên bảo lãnh (nếu có) khi Hợp đồng bảo lãnh chấm dứt.

4. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

Bên bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh phải thỏa thuận về thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong Hợp đồng bảo lãnh. Trường hợp không thỏa thuận được thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong một thời hạn hợp lý do bên nhận bảo lãnh ấn định, tính từ thời điểm bên bảo lãnh nhận được thông báo của bên nhận bảo lãnh về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

5. Xử lý tài sản của bên bảo lãnh

a) Bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

b) Trong trường hợp hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh và không đưa tài sản để xử lý theo thỏa thuận thì bên nhận bảo lãnh có quyền khởi kiện tại Tòa án hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác xử lý tài sản của bên bảo lãnh theo quy định của pháp luật;

Nếu việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh được bảo đảm bằng biện pháp cầm cố, thế chấp tài sản hoặc ký quỹ theo quy định tại Điều 58 của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì bên nhận bảo lãnh có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng cầm cố, thế chấp, ký quỹ mà các bên đã ký kết để thanh toán cho bên nhận bảo lãnh.

c) Sau khi đã trừ các chi phí cần thiết cho việc xử lý tài sản, số tiền thu được từ việc xử lý tài sản của bên bảo lãnh được dùng để thanh toán nghĩa vụ bảo lãnh. Trong trường hợp ngoài nghĩa vụ bảo lãnh còn có nghĩa vụ khác được bảo đảm bằng tài sản bị xử lý thì việc xác định thứ tự ưu tiên thanh toán được thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

Sau khi đã thanh toán xong nghĩa vụ được bảo lãnh mà tiền bán tài sản vẫn còn thì bên bảo lãnh được nhận số tiền bán tài sản còn lại đó. Trong trường hợp số tiền bán tài sản không đủ để thanh toán cho bên nhận bảo lãnh thì bên bảo lãnh phải bổ sung tài sản để xử lý, thanh toán phần còn thiếu đó.

6. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

Bên nhận bảo lãnh có thể thỏa thuận với bên bảo lãnh về việc cầm cố, thế chấp hoặc ký quỹ tài sản của bên bảo lãnh để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tài sản cầm cố, thế chấp hoặc ký quỹ được dùng để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh.

7. Chấm dứt Hợp đồng bảo lãnh

Hợp đồng bảo lãnh chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

a) Nghĩa vụ được bảo đảm bằng bảo lãnh chấm dứt;

b) Bên bảo lãnh đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh;

c) Việc bảo lãnh được hủy bỏ;

d) Theo thỏa thuận của các bên;

đ) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

III. THANH LÝ HỢP ĐỒNG BẢO LÃNH

1. Thời hạn thanh lý Hợp đồng bảo

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

lãnh là ba mươi ngày, kể từ ngày Hợp đồng bảo lãnh chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Việc thanh lý Hợp đồng bảo lãnh phải được lập thành văn bản, trong đó ghi rõ mức độ thực hiện những nội dung đã thoả thuận trong Hợp đồng bảo lãnh của các bên, trách nhiệm của các bên (nếu có) do phải thanh lý hợp đồng.

Trong các trường hợp chấm dứt bảo lãnh nêu tại điểm c và điểm d khoản 7 Mục II của Thông tư này thì việc thanh lý Hợp đồng bảo lãnh có thể lập thành văn bản riêng hoặc ghi chung trong văn bản hủy bỏ việc bảo lãnh hoặc văn bản thỏa thuận chấm dứt bảo lãnh.

IV. THỜI HIỆU KHỞI KIỆN

Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh là hai năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia Hợp đồng bảo lãnh bị xâm phạm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 06/2006/TTLT-BLĐTBXH-BTP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc bảo lãnh cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị cá nhân, tổ chức kịp thời phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tư pháp để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP THỨ TRƯỞNG	KT. BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI THỨ TRƯỞNG
Đinh Trung Tụng	Nguyễn Thanh Hòa

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com